

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST  
Ngày: 21/7/2022  
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị B
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H  
Ông Nguyễn Văn N
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu T – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B- tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-DS, ngày 28/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2022/QĐST-DS, ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P**  
Địa chỉ: 41-45 L, phường B, Quận 1, Thành phố H.  
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** – Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Anh S. (Theo Văn bản ủy quyền số 30/2021/UQ-OCB ngày 05/4/2021).  
Địa chỉ: K27- K50, khu phố 7, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
2. **Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1976  
Địa chỉ: Phòng 1105, Chung cư A2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.  
(Ông S có đơn vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2020, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Anh S trình bày:

Ngày 06/9/2017, ông Nguyễn Thành Đ có ký hợp đồng tín dụng số 216/2017/HĐTD/TINCHAP-CN với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay là 48 (Bốn mươi tám) tháng, lãi suất cho vay là 15,8%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 16,0194%/năm, với công thức quy đổi là  $(15,8\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$ . Thay đổi lãi suất thì Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo

chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Việc giải ngân được thực hiện thông qua khế ước nhận nợ số 216/2017-OCB/KUWNN-CN ngày 06/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Thành Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc ông Đ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Đ phải trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng số tiền 109.822.701 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm lẻ một đồng) tính đến ngày 21/7/2022. Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946đ (Bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), tiền lãi là 38.368.755đ (Ba mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Đối với đề nghị của ông Nguyễn Thành Đ về việc cho ông trả dần mỗi tháng 1.000.000đ. Thanh toán cho đến khi dứt điểm nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020, không trả thêm lãi phát sinh. Ngoài ra, ông Đ còn đề nghị Tòa án xem xét vận dụng Thông tư số 01 và 03 của Ngân hàng Nhà nước quy định miễn giảm lãi cho các hợp đồng tín dụng, cho các đối tượng khó khăn do dịch covid19 thì Ngân hàng không đồng ý vì ông Đ vay tiền của Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân không thuộc đối tượng ưu tiên thực hiện việc cơ cấu nợ/ miễn lãi do dịch bệnh. Mặt khác, ông Đ thường xuyên chậm trễ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng không được.

*Theo bản tự khai ngày 21/3/2022 bị đơn ông Nguyễn thành Đ trình bày:* Ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P vay tín chấp với dư nợ là 150.000.000đ từ ngày 16/9/2019. Tháng 9.2019 do ông tạm ngưng làm việc tại cơ quan Báo Đ dẫn đến việc mất nguồn thu nhập. Năm 2020 do ảnh hưởng dịch covid19, ông không thể kinh doanh được nên không có thu nhập. Ông đề nghị Tòa án và ngân hàng xem xét cho ông trả dần mỗi tháng 1.000.000đ. Thanh toán cho đến khi dứt điểm nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020, không trả thêm lãi phát sinh. Nếu ông có nguồn thu nhập đáng kể thì ông sẽ tất toán toàn bộ khoản nợ. Ông đề nghị Tòa án xem xét vận dụng Thông tư số 02 quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định miễn giảm lãi cho các hợp đồng tín dụng, cho các đối tượng khó khăn do dịch covid19.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương

mại Cổ phần P tổng số tiền 110.068.708 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), tiền lãi trong hạn là 10. 231. 247 đồng (Mười triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là: 28. 375. 515 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm mười lăm đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền 110.068.708 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), tiền lãi là 38.614.762 đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng) theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần P là nguyên đơn, ông Nguyễn Thành Đ là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thành Đ hiện đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đ căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

Căn cứ vào (khoản 1 Điều 207- vắng không lý do); Khoản 1 Điều 228 NBĐ, Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Trần Anh S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông Đ.

[4] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ trả tổng số tiền của hợp đồng tín dụng đã ký kết là 110.068.708 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), tiền lãi là 38.614.762 đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện và đã xuất trình đầy đủ chứng cứ như hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, khế ước nhận nợ số 216/2017-OCB/KUNN-CN ngày 06/9/2017 và sự thừa nhận nợ của bị đơn tại bản tự khai ngày 21/3/2022 (BL 61). Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P là có căn cứ nên được chấp nhận, vì các chứng cứ Ngân hàng Thương mại Cổ phần P cung cấp là hợp lệ và thể hiện ông Đ vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó, buộc ông Nguyễn Thành Đ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền 110.068.708 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946đ, tiền lãi là 38.614.762

đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng) tính đến ngày 21/7/2022.

Đối với việc ông Nguyễn Thành Đ đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần P cho ông trả dần mỗi tháng 1.000.000đ thanh toán cho đến khi dứt điểm nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020, không trả thêm lãi phát sinh không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đối với việc ông Đ đề nghị Tòa án xem xét vận dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định miễn giảm lãi cho các hợp đồng tín dụng, cho các đối tượng khó khăn do dịch covid19 cũng không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, ông Đ vay tiền của Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân, không phải vay để sản xuất kinh doanh, mở nhà hàng..... Mặt khác, bản thân ông Đ là khách hàng vay thường xuyên vi phạm thời hạn trả nợ (bắt đầu từ tháng 2/2020 cho đến hiện nay) đã được Ngân hàng đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nên không thuộc đối tượng áp dụng theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, 269 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Nguyễn Thành Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền là 110.068.708 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là 71.453.946 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), tiền lãi là 38.614.762 đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải

tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 5.503.435,4 đồng (Năm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm ba mươi lăm phẩy bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P được nhận lại số tiền 1.951.000 đồng (Một triệu, chín trăm năm mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009981 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị B**



***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Đào**